

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/HSST
Ngày 06/02/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG:

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Hộ

Ông Trịnh Văn Phương

- **Thư ký phiên toà:** Bà Mã Thùy Dung – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:** Ông Hoàng Trường Long - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2024/HSST ngày 17 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Triệu Văn N - sinh ngày 07 tháng 12 năm 1993 tại huyện H, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm B, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn Đ - sinh năm 1967 và bà Hoàng Thị L - sinh năm 1968; có vợ là Hoàng Thị K - sinh năm 1994 và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/10/2023 đến nay; có mặt.

- **Bị hại:** Tô Văn P - sinh năm 1990; trú tại: xóm L, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Triệu Văn K1 - sinh năm 1993; trú tại: xóm N, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

2. Nông Thị B - sinh năm 1978; trú tại: tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

3. Vũ Hồng K2 - sinh năm 1980; trú tại: tổ G, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Đàm Minh H - sinh năm 1993; trú tại: tổ C, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
2. Hoàng Thị L - sinh năm 1968; trú tại: xóm B, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/10/2019 Công an thành phố C, tỉnh Cao Bằng tiếp nhận nguồn tin về tội phạm của anh Tô Văn P, sinh năm 1990; trú tại: xóm C, xã T (nay là xóm L, xã N), huyện H, tỉnh Cao Bằng về việc anh có gửi 01 (*Một*) xe mô tô nhãn hiệu Airblade biển kiểm soát 11H1 - 143.83 ở nhà của anh Đàm Minh H tại tổ C, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, đến ngày 17/7/2019 Triệu Văn N, sinh năm 1993 là anh em họ và ở cùng xóm với anh có hỏi mượn xe đi đến nay không trả, P đã nhiều lần liên lạc với N để lấy lại xe nhưng không được và cũng không biết N ở đâu nên đã trình báo đến cơ quan Công an.

Sau khi nhận được tin báo, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã thông báo truy tìm xe máy vật chứng và triệu tập Triệu Văn N đến làm việc, nhưng không xác định được N đi đâu, làm gì. Ngày 16/02/2020 cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết nguồn tin về tội phạm, đến ngày 22/9/2023 sau khi đã tìm được Triệu Văn N, cơ quan cảnh sát điều tra quyết định phục hồi việc giải quyết nguồn tin về tội phạm.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 65/KL-HĐĐGTS ngày 27/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố C kết luận: 01 (*Một*) xe mô tô nhãn hiệu Honda AIRBLADE, số khung: RLHJF6308FZ049131, số máy: JF63E1049204, biển kiểm soát: 11H1 - 143.83, đăng ký ngày 13/01/2017, đã qua sử dụng vào thời điểm tháng 9/2023 có giá 19.000.000đ (*Mười chín triệu đồng*).

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, ngày 13/10/2023 cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Triệu Văn N về hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Quá trình điều tra Triệu Văn N khai nhận: Ngày 17/7/2019 N gọi điện thoại cho Tô Văn P hỏi mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11H1 -143.83 của P đang gửi ở nhà của Đàm Minh H tại tổ C, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng để làm phương tiện đi lại. Sau khi P đồng ý, N đến nhà của H lấy xe để sử dụng nhưng khoảng 02 tuần sau, do thiếu tiền tiêu sài cá nhân nên N đem chiếc xe của P đi cầm cố tại cửa hiệu cầm đồ Chiến Lan lấy 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) với thời hạn cầm cố là 01 tháng và đã tiêu sài hết toàn bộ số tiền trên. Đến đầu 8/2019 P gọi điện thoại cho N để lấy lại xe nhưng do đã đem xe đi cầm cố nên N nói với P mượn thêm vài ngày nữa sẽ trả. Sau 01 tháng Nước

không chuộc lại xe nên cửa hiệu cầm đồ đã thanh lý hợp đồng đối với chiếc xe Nước đem cầm cố. Tháng 10/2019 N đi Bắc Ninh làm công nhân, trong thời gian này P nhiều lần gọi điện thoại nhưng N không nghe máy, đến tháng 12/2019 P tiếp tục gọi điện thoại cho N nhiều lần, sau khi nghe máy N nói với P đã bán chiếc xe mô tô của P cho cửa hàng cầm đồ và hứa sẽ bồi thường cho P số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) nhưng lúc này N vẫn chưa có tiền trả cho P. Tháng 4/2022 N về nhà và đưa cho bà Hoàng Thị L, sinh năm 1968; trú tại xóm B, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng (là mẹ đẻ của N) số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) để trả cho P rồi tiếp tục đi Bắc Ninh làm việc đến ngày 21/9/2023 Nước về nhà và Công an thành phố C triệu tập đến làm rõ sự việc.

Bị hại Tô Văn P khai đã nhận đủ số tiền đền bù nên không có yêu cầu gì thêm và tự nguyện làm đơn xin miễn giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Triệu Văn K1 đã mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11H1-143.83 tại cửa hàng mua, bán xe cũ X thuộc tổ A, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng vào tháng 6/2020 với giá 28.000.000đ (*Hai mươi tám triệu đồng*) bằng hình thức trả trước 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) còn 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*) sẽ trả góp và thanh toán xong vào ngày 29/6/2021. Sau khi làm giấy tờ xong thì cửa hàng đã làm thủ tục sang tên, đổi chủ chiếc xe cho anh. Khi mua xe anh không biết về nguồn gốc chiếc xe.

Bà Nông Thị B là chủ cửa hiệu cầm đồ Chiến Lan thuộc tổ A, phường S, thành phố C khai do thời gian đã lâu, bà không nhớ rõ có được nhận cầm chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11H1-143.83 hay không, qua kiểm tra sổ sách và giấy tờ cũng không thấy có thông tin liên quan đến chiếc xe mô tô trên.

Ông Vũ Hồng K2 là chủ cửa hàng mua, bán xe cũ Xuân Thanh thuộc tổ A, phường N, thành phố C khai: chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11H1 - 143.83 ông mua tại cửa hàng cầm đồ Chiến Lan vào khoảng đầu năm 2020, thời điểm đó tình trạng chiếc xe bình thường, có đủ giấy tờ xe. Đến ngày 29/6/2020 bán lại cho một nam thanh niên với số tiền 28.000.000đ (*Hai mươi tám triệu đồng*).

Người làm chứng Đàm Minh H xác nhận đã giao chiếc xe của Tô Văn P gửi cho Triệu Văn N mượn để sử dụng vào ngày 17/7/2019 nhưng không thấy trả lại. Bà Hoàng Thị L xác nhận sự việc vào tháng 4/2022 Triệu Văn N nhờ bà đưa cho Tô Văn P số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

Ngày 06/12/2023 Tô Văn P và Triệu Văn K1 đã thỏa thuận về chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11H1 - 143.83, theo đó Tô Văn P đã nhận được tiền bồi thường từ Triệu Văn N nên không có yêu cầu gì thêm và chiếc xe thuộc quyền sở hữu của Triệu Văn K1 nên cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho Triệu Văn K1.

Bản cáo trạng số 17/CT-VKSTP ngày 15/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng quyết định truy tố bị cáo Triệu Văn N về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và thừa nhận nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã phản ánh đúng hành vi phạm tội của bị cáo.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Triệu Văn N về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và trình bày quan điểm về nguyên nhân phạm tội và hướng giải quyết vụ án như sau: Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ nên cần xử lý nghiêm khắc. Tuy nhiên bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã chủ động bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả nên bị hại đã làm đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 đến 30 tháng.

Bị cáo nhất trí với kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng về tội danh, hành vi phạm tội, mức hình phạt nên không có ý kiến tranh luận.

Khi được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo Triệu Văn N phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án. Cụ thể như: Lời khai bị hại, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, lời khai của người làm chứng tại cơ quan điều tra và vật chứng thu giữ.

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận định, có đủ căn cứ chứng minh vào ngày 17/7/2019 tại nhà của Đàm Minh H (tổ C, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) Triệu Văn N đã mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11H1-143.83 của Tô

Văn P để làm phương tiện đi lại nhưng sau đó khoảng 02 tuần đã tự ý đem chiếc xe mô tô đi cầm cố rồi bán lại cho hiệu cầm đồ lấy tiền tiêu sài cá nhân, sau đó bỏ trốn không liên lạc nhằm chiếm đoạt chiếc xe mô tô. Giá trị chiếc xe Nước chiếm đoạt tại thời điểm định giá là 19.000.000đ (*Mười chín triệu đồng*).

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp với động cơ, mục đích là nhằm chiếm đoạt tài sản đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại Điều 175 của Bộ luật hình sự. Do đó, có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Triệu Văn N về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản

“1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

b)...”

[3]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bị cáo tuy ít nghiêm trọng, mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây lo lắng, bất bình trong nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự của địa phương nên cần xử lý nghiêm khắc.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã chủ động bồi thường, khắc phục hậu quả nên bị hại đã làm đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Không có.

[4]. Hình phạt chính: xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật, để bị cáo có cơ hội được cải tạo tại cộng đồng dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo.

[5]. Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại; giữa bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã tự nguyện thỏa thuận về chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11H1 - 143.83 nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã trả lại các vật chứng bị thu giữ cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7]. Các nhận định khác:

Đối với hiệu cầm đồ Chiến Lan nhận cầm cố chiếc xe mô tô, Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với chủ cửa hàng là bà Nông Thị B, tuy nhiên do thời gian đã lâu, cửa hàng không có thông tin liên quan đến việc cầm cố chiếc xe và đối với cửa hàng mua, bán xe cũ Xuân Thanh mua bán chiếc xe không biết có liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[8]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo Triệu Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tại phiên tòa về tội danh, hình phạt là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hoàn cảnh kinh tế của bị cáo, nên cần được chấp nhận.

Xét đề nghị xin được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất của bị cáo là thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên cần được xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và mức hình phạt:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Triệu Văn N phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt Triệu Văn N 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Triệu Văn N cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02

(Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Triệu Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hiền